



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I

NƠI GỬI:

Năm 2011



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 01 – DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi

bổ sung theo thông tư số 244/2009/TT-BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/03/2011</i>	<i>01/01/2011</i>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		797.098.626.384	842.423.184.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		118.754.515.193	106.497.794.903
1. Tiền	111	D1	77.230.600.193	94.161.803.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.523.915.000	12.335.991.780
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	D2	33.700.897.103	36.129.147.943
1. Đầu tư ngắn hạn	121		46.664.118.631	49.092.369.471
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.963.221.528)	(12.963.221.528)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		342.258.997.314	379.880.146.892
1. Phải thu khách hàng	131		105.801.198.958	139.074.302.004
2. Trả trước cho người bán	132	D3.1	205.144.890.743	217.116.916.044
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.860.017.655	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	D3	29.944.796.144	25.180.835.030
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.491.906.186)	(1.491.906.186)
IV. Hàng tồn kho	140		260.683.801.046	275.187.718.365
1. Hàng tồn kho	141	D4	265.548.504.685	280.012.761.428
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.864.703.639)	(4.825.043.063)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.700.415.728	44.728.376.579
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.031.336.311	2.374.397.828
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.606.091.263	27.882.758.189
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	D5	411.774.693	59.971.924
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.651.213.461	14.411.248.638
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.596.133.556.534	1.514.908.308.812
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.345.621.247	4.345.621.247
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	D6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	D7	4.345.621.247	4.345.621.247
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		645.601.598.561	645.846.282.524
1. Tài sản cố định hữu hình	221	D8	133.006.950.913	128.930.789.242
- Nguyên giá	222		165.512.233.328	158.682.468.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.505.282.415)	(29.751.679.415)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	D9	6.438.646.868	6.891.006.551
- Nguyên giá	225		8.099.678.641	8.099.678.641
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.661.031.773)	(1.208.672.090)
3. Tài sản cố định vô hình	227	D10	47.901.662.787	48.143.363.719
- Nguyên giá	228		52.942.326.840	52.842.326.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.040.664.053)	(4.698.963.121)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	D11	458.254.337.993	461.881.123.012
III. Bất động sản đầu tư	240	D12	171.299.970.423	96.391.944.455
- Nguyên giá	241		193.117.439.544	115.808.292.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(21.817.469.121)	(19.416.347.749)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		692.608.409.372	687.287.495.371
1. Đầu tư vào công ty con	251	D13	-	-

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	D14	245.609.951.616	245.139.975.519
3. Đầu tư dài hạn khác	258	D15	470.883.936.812	466.032.998.908
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(23.885.479.056)	(23.885.479.056)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		82.277.956.931	81.036.965.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	D16	39.884.482.523	35.562.523.169
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		12.223.926.796	12.223.926.796
3. Tài sản dài hạn khác	268		30.169.547.612	33.250.515.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.393.232.182.918	2.357.331.493.494
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011	01/01/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.503.527.643.121	1.477.197.357.737
I. Nợ ngắn hạn	310		882.516.913.902	884.881.654.531
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	D17	425.034.912.728	473.247.112.341
2. Phải trả người bán	312		108.592.096.053	114.418.935.802
3. Người mua trả tiền trước	313		184.187.185.640	111.393.088.034
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	D18	20.785.764.683	21.967.183.272
5. Phải trả người lao động	315		36.676.635.990	43.204.415.801
6. Chi phí phải trả	316	D19	23.227.992.273	21.624.749.389
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	D20	81.275.694.530	92.172.575.618
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		60.131.115	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.676.500.890	6.853.594.274
II. Nợ dài hạn	330		621.010.729.219	592.315.703.206
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	D21	124.261.757.454	125.519.831.624
4. Vay và nợ dài hạn	334	D22	383.241.181.140	354.845.761.678
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.156.888.534	2.257.175.844
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		111.350.902.091	109.692.934.060
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		735.525.675.598	732.725.216.830
I. Vốn chủ sở hữu	410	D23	735.525.675.598	732.725.216.830
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.955.730.000	249.955.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(690.474.358)	(690.474.358)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.093.483.305	5.093.483.305
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.159.016.653	19.159.016.653
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.067.519.041	9.067.519.041
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		135.875.542.654	133.075.083.886
- Điều chỉnh BCKQKD			-	-
- Điều chỉnh đầu kỳ			-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	D24	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
			-	-
C Lợi ích cổ đông thiểu số	500		154.178.864.199	147.408.918.927

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		2.393.232.182.918	2.357.331.493.494
----------------------------	------------	--	--------------------------	--------------------------

-

-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	31/03/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		<i>D25</i>	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:			-	-
USD			3.018	3.026
EUR			18	26
JPY			-	-
AUD			-	-
SGD			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2011	Quý I/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	D26	1.257.597.637.568	764.193.995.035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.826.041.113	2.859.008.883
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.255.771.596.455	761.334.986.152
4. Giá vốn hàng bán	11	D27	1.165.199.566.483	710.119.991.111
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.572.029.972	51.214.995.041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	D28	3.721.416.102	2.363.314.005
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	D29	29.218.683.455	11.082.629.685
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.549.918.369	9.906.812.120
8. Chi phí bán hàng	24		32.814.445.834	19.304.342.849
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.494.956.598	15.905.716.078
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.765.360.187	7.285.620.434
11. Thu nhập khác	31	D30	10.668.308.271	7.087.400.581
12. Chi phí khác	32	D31	309.266.429	960.444.685
13. Lợi nhuận khác	40		10.359.041.842	6.126.955.896
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	50		2.527.061.097	3.758.777.892
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		15.651.463.126	17.171.354.222
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		6.894.984.981	3.662.794.642
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		8.756.478.145	13.508.559.580
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	71		6.902.593.576	3.841.305.458
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	72		1.853.884.569	9.667.254.122
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	D32	74	387

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

**SAVICO**

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2011

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>2011</i>	<i>2010</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.651.463.126	17.171.354.222
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		6.933.136.382	2.608.276.121
- Các khoản dự phòng	03		12.709.611	39.660.576
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.358.403.134)	(11.068.808.305)
- Chi phí lãi vay	06		26.549.918.369	9.906.812.120
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.788.824.354	18.657.294.734
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		60.249.473.014	(23.453.843.640)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.466.460.915	(31.962.048.663)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		27.045.661.306	(70.753.685.395)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.894.953.523)	(5.024.247.777)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(23.733.339.451)	(10.430.124.089)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.905.727.189)	(10.498.168.952)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.039.985.922)	(1.089.063.951)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		107.976.413.504	(134.553.887.733)
			-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(81.548.070.047)	(9.821.352.473)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.797.040.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	(6.737.284.040)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		134.397.936	5.596.550.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.232.651.922	2.315.016.863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.681.020.189)	(4.850.029.650)
			-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.200.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		521.972.944.352	526.891.575.986
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(540.011.617.377)	(451.073.569.392)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.038.673.025)	77.018.006.594
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.256.720.290	(62.385.910.789)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		106.497.794.903	161.869.131.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		118.754.515.193	99.483.220.691

Ngày 20 tháng 04 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

BCLCTTHN

5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ I NĂM 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.
- 4. Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:**
 1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
 3. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 63,64%
 5. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 6. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: A16A, 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
 7. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 8. Công Ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố
 - Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 9. Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn
 - Địa chỉ: 86 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%

5. Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:

1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
3. Công Ty Cổ Phần DANA.
 - Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40,27%
4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Bến Thành SAVICO.
 - Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%
5. Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 115 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%
6. Công ty Cổ Phần Siêu Xe
 - Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,5%
7. Công ty TNHH SAVICO – Vinaland
 - Địa chỉ: 115-117 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49,5%
8. Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội
 - Địa chỉ: 56 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chính sách kế toán áp dụng

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC được ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 07

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 đến 22 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không vượt quá 1/2 quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D1. Tiền		
Tiền mặt	14.879.639.793	5.141.765.517
Tiền gửi ngân hàng	62.350.960.400	76.435.606.257
Tiền đang chuyển	-	84.431.349
Cộng	77.230.600.193	106.497.794.903

D2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	46.664.118.631	49.092.369.471
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(12.963.221.528)	(12.963.221.528)
Cộng	33.700.897.103	36.129.147.943

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu):

	Mã CK	Danh mục tại 31/03/2011		Danh mục tại 01/01/2011	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Cty CP PT Nhà Thử Đức (Thuduchouse)	305.250	12.800.732.088	305.250	12.800.732.088
2	Sai Gon Postel (SPT)	539.423	4.903.850.000	539.423	4.903.850.000
3	Cty CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	180.000	6.300.000.000
4	Cty CP ĐT XD XNK 2 (Constrexim 2)	500.000	14.000.000.000	500.000	14.000.000.000
5	Cty CP Merufa	110.000	3.000.000.000	110.000	3.000.000.000
6	Ngân hàng CP Sài Gòn Thương Tín	-	-	2	75.900
7	Cty CP XNK Khánh Hội	128.200	3.095.377.940	128.200	3.095.377.940
8	Cty CP Bourbon Tây Ninh	39.780	581.782.500	40.000	596.000.000
9	Cty CP Cơ Điện Lạnh REE	114.720	1.980.323.560	147.840	2.625.281.000
10	Cty CP ĐT Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật (CIH)	-	-	50.000	1.769.000.000
11	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Hải Phòng (HPC)	812	2.052.543	812	2.052.543
Tổng cộng		1.918.185	46.664.118.631	1.902.855	2.001.527

D3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	366.313.200
- Phải thu khác (*)	29.944.796.144	24.814.521.830
Cộng	29.944.796.144	25.180.835.030

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*): Các khoản phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản:

- ✓ *Giao vốn cho bộ phận kinh doanh xe cũ tại công ty con: 12.747.312.985 đ.*
- ✓ *Chi hộ cho dự án Trường Chinh tại công ty con: 1.904.802.964đ*
- ✓ *Khoản chi hộ, phải thu đối với các Cty liên kết (TESC, Savico-Vinaland) là 6.334.565.885đ*
- ✓ *Các khoản chi hộ và phải thu một số đơn vị khác là 8.958.114.310 đ*

D3.1. Trả trước cho người bán.

Trả trước người bán 205.144.890.743 đồng, trong đó:

- ✓ *Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Cái Răng, Cần Thơ (nam Cần Thơ): 37.953.702.000đ – thực hiện dự án Toyota Cần Thơ – Công ty CP Toyota Cần Thơ đang hoạt động tại đây – giai đoạn cuối hoàn tất chuyển quyền sở hữu, tăng bất động sản đầu tư.*
- ✓ *Cuối tháng 12/2010, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng hơn 2ha đất của Thành Ủy Đà Nẵng, để phát triển Dự án tại nam Cẩm Lệ: 72.882.483.030đ.*
- ✓ *Ứng trước tiền hàng, thực hiện hợp đồng mua bán với Cty CP Toyota Đông Sài Gòn (TESC): 29.200.000.000đ.*
- ✓ *Các khoản ứng trước cho các nhà cung cấp khác (thi công, san lấp, tư vấn...) là 7.137.661.764đ.*
- ✓ *4.029.915.606 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty TNHH Đông Đô Thành.*
- ✓ *13.338.085.629 đồng: ứng trước các chi phí của Đại lý Toyota Pháp Vân và tiền hàng của Cty Toyota Giải Phóng.*
- ✓ *5.092.859.972 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao và các công ty con.*
- ✓ *25.119.647.902 đồng: ứng trước các HĐ xây dựng cho Dự án Mega Mall tại Hà Nội và ứng trước tiền hàng của Cty TOYOTA Long Biên.*
- ✓ *120.609.560 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty Toyota Cần Thơ.*
- ✓ *56.433.500 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty ô tô Thành Phố (Hyundai).*
- ✓ *3.491.480.000 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty ô tô Sông Hàn (Hyundai).*

D4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	7.494.652.908
- Nguyên liệu, vật liệu	4.838.514.361	3.414.273.776
- Công cụ, dụng cụ	8.130.000	821.939.200
- Chi phí SX, KD dở dang	1.166.171.868	1.211.899.666
- Thành phẩm	227.173.418	-
- Hàng hóa	258.603.723.996	266.365.204.836
- Hàng gửi đi bán	704.791.042	704.791.042
Cộng giá gốc hàng tồn kho	265.548.504.685	280.012.761.428

D5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Các khoản khác phải thu Nhà nước	411.774.693	59.971.924
Cộng	411.774.693	59.971.924

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D6. Phải thu dài hạn khác**

(*): Khoản phải thu dài hạn chủ yếu là khoản chi phí ban đầu dự án Thảo Điền.

D7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	112.269.443.628	26.652.096.643	14.967.260.892	4.793.667.494	158.682.468.657
Mua trong kỳ	177.778.309	3.445.174.893	1.046.069.971	2.160.741.498	6.829.764.671
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	112.447.221.937	30.097.271.536	16.013.330.863	6.954.408.992	165.512.233.328
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.077.329.617	9.775.407.175	4.363.626.228	535.316.395	29.751.679.415
Khấu hao trong kỳ	1.786.839.874	127.096.557	392.642.768	447.023.801	2.753.603.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	16.864.169.491	9.902.503.732	4.756.268.996	982.340.196	32.505.282.415
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	97.192.114.011	16.876.689.468	10.603.634.664	4.258.351.099	128.930.789.242
Số cuối kỳ	95.583.052.446	20.194.767.804	11.257.061.867	5.972.068.796	133.006.950.913

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.693.785.749 đồng

D8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.099.678.641	-	8.099.678.641
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	8.099.678.641	-	8.099.678.641
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.208.672.090	-	1.208.672.090
Khấu hao trong kỳ	452.359.683	-	452.359.683
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.661.031.773	-	1.661.031.773
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.891.006.551	-	6.891.006.551
Số cuối kỳ	6.438.646.868	-	6.438.646.868

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.120.693.490	1.721.633.350	52.842.326.840
Tăng trong kỳ	-	100.000.000	100.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	51.120.693.490	1.821.633.350	52.942.326.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.315.660.492	383.302.629	4.698.963.121
Khấu hao trong kỳ	255.497.628	86.203.304	341.700.932
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	4.571.158.120	469.505.933	5.040.664.053
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	46.805.032.998	1.338.330.721	48.143.363.719
Số cuối kỳ	46.549.535.370	1.352.127.417	47.901.662.787

D10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chuyển TSCĐ/BDSĐT	Số cuối kỳ
Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	97.361.330.108	2.692.581.803	-	100.053.911.911
Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng	23.783.475.442	1.215.884.931	-	24.999.360.373
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng,	3.982.948.278	8.314.547	-	3.991.262.825
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	234.153.583	-	-	234.153.583
Công trình 104 Phổ Quang	19.838.906.191	36.275.760	-	19.875.181.951
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	10.131.979.955	17.020.336	-	10.149.000.291
Dự án Quốc Lộ 13	171.894.300.125	2.222.853.859	-	174.117.153.984
Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ	15.534.969.277	-	-	15.534.969.277
Dự án Nam Cẩm Lệ - Đà Nẵng	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Dự án Savico Mega Mall (Savico Plaza Hà Nội)	117.119.060.053	67.489.431.085	77.309.147.340	107.299.343.798
Cộng	461.881.123.012	73.682.362.321	77.309.147.340	458.254.337.993

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

+ Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng:	Hoàn tất ép cọc thử tĩnh. Triển khai xây dựng tường vây. Hoàn thành thiết kế cơ sở.
+ Dự án T.Bình – Hiệp Bình Phước:	Đang hoàn công và quyết toán phần san lấp; tiếp tục triển khai thiết kế xây dựng hạ tầng theo quy hoạch 1/500 đã được duyệt.
+ Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng:	Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng. Đang hoàn tất thiết kế và dự kiến triển khai bán villa đợt đầu tiên vào tháng 4/2011.
+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc:	Công ty vẫn đang phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
+ Dự án 104 Phổ Quang:	Xúc tiến xin chuyển mục đích sử dụng từ đất thương mại dịch vụ sang đất ở và tìm đối tác hợp tác đầu tư.
+ Dự án 66-68 NKKN:	UBNDTP đã chấp thuận chủ trương đầu tư và đã có chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc. Đang xử lý tỉ lệ căn hộ và dân cư, đồng thời xin giấy phép xây dựng và chuẩn bị mời thầu tư vấn thiết kế.
+ Dự án Quốc lộ 13:	Đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án, đã thu tiền ứng trước 20% giá trị HĐ.
+ Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ:	Kết chuyển tăng BĐS đầu tư khi nhận GCN quyền sở hữu.
+ Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng:	Đang thực hiện thủ tục nhận quyền sở hữu và quy hoạch 1/500; tiến hành công tác chuẩn bị ban đầu cho việc đầu tư mở rộng của Cty CP Dana..
+ Dự án Savico Mega Mall (Savico Plaza Hà Nội):	Đang xây dựng và đã bổ nhiệm CB-RE là đơn vị kinh doanh và tiếp thị dự án. Khu B đã được đưa vào khai thác từ tháng 12/2010. Khu A dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác trong quý 4 năm 2011.

D11. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu 2011	Tăng trong 2011	Giảm	Số dư 31/03/2011
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Nhà	115.808.292.204	109.837.336.469	32.528.189.129	193.117.439.544
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà	19.416.347.749	2.401.121.372		21.817.469.121
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Nhà	96.391.944.455	107.436.215.097	32.528.189.129	171.299.970.423

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D12. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	4.400.000.000	4.400.000.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Ôtô	8.328.000.000	8.328.000.000
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	9.248.504.000	9.248.504.000
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	3.500.000.000	3.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty CP SAVICO Hà Nội	56.000.000.000	56.000.000.000
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	25.309.668.000
Công ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố	5.100.000.000	5.100.000.000
Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn	5.100.000.000	5.100.000.000
Cộng	125.236.222.000	125.236.222.000

- Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

D13. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI		29.023.620.702		27.010.164.401
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	2.057.085	44.545.148.355	2.057.085	45.756.025.752
Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành SAVICO		2.224.408.960		2.074.855.332
Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD	322.160	6.329.237.691	322.160	5.832.530.022
Công ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn – SSC		1.406.724.189		1.407.232.099
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe	240.000	1.200.318.000	240.000	1.213.115.573
Công Ty TNHH SAVICO-Vinaland		157.684.005.911		158.711.092.883
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội		3.196.487.808		3.134.929.458
Cộng		245.609.951.616		245.139.975.519

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D14. Đầu tư dài hạn khác (theo chiến lược dài hạn)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (là CD chiến lược, CD sang lập).	234.285.631.584	235.285.768.090
- Góp vốn dài hạn vào các dự án bất động sản	236.598.305.228	230.747.230.818
Cộng	470.883.936.812	466.032.998.908

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thuyết minh các khoản đầu tài chính dài hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu)

STT	Mã CK	Cuối kỳ		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Savico tham gia với tư cách cổ đông sáng lập – chiến lược					
1	OCB	10.748.657	126.666.430.590	10.748.657	126.666.430.590
2	CK ORS	2.400.000	31.500.000.000	2.400.000	31.500.000.000
3	SPT	1.294.615	11.769.230.000	1.294.615	11.769.230.000
4	Tradincorp	1.350.000	13.500.000.000	1.350.000	13.500.000.000
5	VietThai	650.760	8.042.676.000	650.760	8.042.676.000
6	Cty B.T Long Hải (Tropicana)	677.250	6.772.500.000	677.250	6.772.500.000
7	Cty B.T Non nước (Sandy Beach)	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
8	BenThanh (TSC)	151.202	3.289.960.000	151.202	3.289.960.000
9	Searefico	173.000	11.467.000.000	173.000	11.467.000.000
10	NH EXIM	880	20.020.994	739	20.157.500
11	Sabeco	200.000	14.000.000.000	200.000	14.000.000.000
12	Công ty Cổ Phần Vật T Ngân hàng (BMC)	1.650	242.550.000	1.650	242.550.000
13	Công ty CP Kim Khí Thăng Long	15.664	221.464.000	15.664	221.464.000
14	Công ty CP Cơ khí Vinh	47.000	488.800.000	47.000	488.800.000
15	Công ty Vận Tải Hành Khách số 14	30.500	305.000.000	30.500	305.000.000
16	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thủ Đô	-	-	100.000	1.000.000.000
Tổng cộng		18.341.178	234.285.631.584	18.441.037	235.285.768.090

- Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

Tên Dự án	31/03/2011	Nội dung
Khu du lịch Sinh Thái Cần Giở	50.000.000	Tham gia dự án cùng với Cty Quản lý Nhà Quận 1 và Tổng Cty Bến Thành.
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	41.355.606.189	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thủ Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2.
Dự án Long Hòa - Cần Giở	58.064.137.098	Tham gia góp vốn với Cty CP FIDECO với tỉ lệ 50%, thực hiện dự án khu nhà ở tại xã Long Hòa – Cần Giở. Đã nộp tiền sử dụng đất. Đang điều chỉnh quy hoạch 1/500.
Dự án 56 Bến Vân Đồn	76.816.997.164	Tham gia góp vốn với Cty CP XNK Khánh Hội, tỉ lệ vốn góp 49%. Đang gấp rút hoàn tất phần móng và hầm. Công tác kinh doanh tiếp thị cho thuê 150 căn hộ dịch vụ đã được triển khai.
Dự án 91 Pasteur	52.437.288.485	Hợp tác với Công ty Quản lý Kinh doanh Nhà Thành Phố, trong đó Savico chiếm tỉ lệ vốn góp là 51%, thực hiện dự án cao ốc văn phòng. Đang hoàn tất kiểm toán công trình và đã được đưa vào khai thác kinh doanh ổn định.
Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu	966.218.630	Cùng góp vốn với Titco và Khahomex – đây là chi phí đầu tư ban đầu. Đang thực hiện thẩm định giá tại Sở Tài Chính và bản vẽ thiết kế thi công tại 1014B.
Dự án 9-15 Lê Minh Xuân	792.176.070	
Công ty con đầu tư vào siêu thị ô tô trên đường Nguyễn Văn Cừ.	6.115.881.592	Góp vốn kinh doanh với Tổng Công Ty Bến Thành
Cộng	236.598.305.228	

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D15. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí sửa chữa, cải tạo các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc: 1.769.497.210 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) cho dự án Dự án tại Phan Văn Trị, Gò Vấp (Co-op Mart): 10.611.642.231 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn tại Cty TOYOTA Cần Thơ: 4.560.311.611 đồng.

Chi phí thành lập doanh nghiệp của Công ty Ô tô Thành Phố : 1.924.493.312 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) Đại lý TOYOTA Pháp Vân, Hà Nội: 13.048.451.570 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng...tại Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao và các công ty con: 1.394.764.512 đồng

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng...tại Cty Toyota Long Biên: 5.405.359.248 đồng.

D16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Nông Nghiệp và PT Nông Thôn	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Nam	16.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	38.928054.590	69.213.686.349
Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	191.062.029.000	138.755.193.500
Ngân hàng HSBC	3.118.610.000	44.211.767.750
Ngân hàng Mitsubishi (Cần Thơ)	13.000.000.000	28.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	22.166.931.063	27.957.114.878
Ngân hàng TMCP Quân Đội	11.360.000.000	6.349.500.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt	9.246.788.596	7.779.051.014
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - Techcombank	9.905.625.028	11.142.588.028
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - SCB	63.113.934.251	16.505.947.222
Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB	3.000.000.000	3.000.000.000
Đối tượng khác	1.900.000.000	4.900.000.000
Cộng vay ngắn hạn	397.601.972.528	362.614.848.741
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Công Thương	1.332.000.000	1.776.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	4.645.500.000	6.424.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	63.369.000	77.084.492.000
HSBC	-	904.017.600
SACOMBANK	8.592.327.000	11.456.436.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi(Cần Thơ)	5.540.370.000	6.212.170.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi(Hà Nội)	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	678.013.200	904.017.600
Công ty cho thuê tài chính ACB	581.361.000	775.148.000
Cộng vay dài hạn đến hạn	27.432.940.200	110.632.263.600
Vay và nợ ngắn hạn	425.034.912.728	473.247.112.341

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	4.001.226.099	6.159.149.333
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.465.557.281	13.348.973.624
- Thuế thu nhập cá nhân	1.561.280.687	1.705.932.308
- Thuế khác	757.700.616	753.128.007
Cộng	20.785.764.683	21.967.183.272

D18. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước hoạt động kinh doanh	13.428.053.001	14.117.025.512
- Trích trước lãi sử dụng vốn	4.610.402.965	4.348.934.191
- Trích trước khác (*)	5.189.536.307	3.158.789.686
Cộng	23.227.992.273	21.611.270.456

(*) Trong đó:

+ Trích trước chi phí lương, phí tư vấn trả cho Sumitomo, phí khám sức khỏe định kỳ, chi phí bảo hành, bảo dưỡng... của Công ty TOYOTA Giải Phóng.

D19. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	634.908.474	646.229.191
- Bảo hiểm xã hội	929.916.986	346.147.564
- Bảo hiểm y tế	272.779.889	165.141.548
- Bảo hiểm thất nghiệp	26.742.997	30.167.999
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	68.381.460	83.008.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.342.964.724	90.901.880.716
Cộng	81.275.694.530	92.172.575.618

D20. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.638.898.060	11.882.492.630
- Khoản nhận góp vốn đầu tư các DA	112.622.859.394	113.637.338.994
Cộng	124.261.757.454	125.519.831.624

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D21. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	93.065.841.090	66.002.504.392
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam	28.732.000.000	28.732.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	32.133.773.000	32.133.773.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	53.179.824.000	52.510.390.126
Ngân hàng Tokyo Mitsumitshi (Cần Thơ)	38.754.490.795	38.754.490.795
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	2.884.753.890	1.429.240.000
Cộng	378.750.682.775	349.562.398.313
Nợ dài hạn		
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	3.134.082.464	3.134.082.464
Công ty cho thuê tài chính ACB	1.356.415.901	2.149.280.901
Cộng vay và nợ dài hạn	383.241.181.140	354.845.761.678

D22. Vốn chủ sở hữu**D23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số đầu 01/01/2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	705.475.235.184
Phát hành cổ phiếu trong năm 2010	-	-	(690.458.358)	-	-	-	-	(690.458.358)
Lợi nhuận sau thuế năm 2010	-	-	-	-	-	-	71.729.573.164	71.729.573.164
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	-	-	(8.474.336.283)	(8.474.336.283)
Cổ tức 2010	-	-	-	-	-	-	(37.483.325.500)	(37.483.325.500)
Phân bổ kinh phí hoạt động HĐQT	-	-	-	-	-	-	(831.975.841)	(831.975.841)
Tăng trong kỳ	-	-	-	2.502.991.846	894.000.671	874.427.123	-	4.271.419.640
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.126.924.681)	(1.126.924.681)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(143.990.495)	-	-	(143.990.495)
Số dư 31/12/2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	133.075.083.886	732.725.216.830
Số dư 01/01/2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	133.075.083.886	732.725.216.830
Phát hành cổ phiếu trong năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm	-	-	-	-	-	-	1.853.884.569	1.853.884.569
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	946.574.199	946.574.199
Cổ tức chia 2011.	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	135.875.542.654	735.525.675.598

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

D23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	77.763.930.000	77.763.930.000
Vốn góp của các cổ đông	172.191.800.000	172.191.800.000
Cộng	249.955.730.000	249.955.730.000

D23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn góp đầu kỳ	249.955.730.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	249.955.730.000

Phân phối cổ tức:

Đến 31/03/2011, công ty chưa có công bố về cổ tức 2011; Công ty dự kiến trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2011, ngày 16/04/2011, thông qua tỉ lệ trả cổ tức 2010 là 15% trên mệnh giá (đã tạm ứng cổ tức năm 2010 với tỉ lệ 5% mệnh giá vào cuối năm 2010).

D23.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.995.573	24.995.573
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.066	20.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.066	20.066
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.975.507	24.975.507
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.975.507	24.975.507

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

D23.5. Các quỹ của doanh nghiệp

- + Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- + Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

D23. Nguồn kinh phí và quỹ khác

D24. Tài sản thuê ngoài

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	Quý 1/ 2011	Quý 1/ 2010
D25. Doanh thu		
<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
- Doanh thu bán hàng	1.195.076.598.338	728.307.900.553
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.521.039.230	35.886.094.482
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>		
- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	25.530.318	20.635.626
- Hàng bán bị trả lại	463.977.273	1.269.512.273
- Giảm giá hàng bán	1.336.533.522	1.568.860.984
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	1.255.771.596.455	761.334.986.152
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.193.250.557.225	725.448.891.670
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	62.521.039.230	35.886.094.482
D26. Giá vốn hàng bán		
	Quý 1/ 2011	Quý 1/ 2010
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.123.107.747.385	678.335.571.241
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.091.819.098	31.784.419.870
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	1.165.199.566.483	710.119.991.111
D27. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý 1/ 2011	Quý 1/ 2010
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.649.636.538	1.348.042.791
Lãi, cổ tức được chia	931.746.000	708.070.400
Lãi bán chứng khoán	40.000.000	265.685.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	496.310.837	41.332.589
Chiết khấu thanh toán	603.722.727	183.225
Cộng	3.721.416.102	2.363.314.005
D28. Chi phí tài chính		
	Quý 1/ 2011	Quý 1/ 2010
Chi phí lãi vay	26.549.918.369	9.906.812.120
Chi phí giao dịch chứng khoán	219.772.994	219.032.061
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.191.011.691	956.785.504
Chi phí tài chính khác	257.980.401	-
Cộng	29.218.683.455	11.082.629.685

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D29. Thu nhập khác**

	Quý 1/ 2011	Quý 1/ 2010
Thu bán thanh lý TSCĐ	3.956.678.533	3.797.040.000
Tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	2.482.207.151	1.414.562.176
Thu nhập khác	4.229.422.587	1.875.798.405
Cộng	10.668.308.271	7.087.400.581

D30. Chi phí khác

	Quý 1/ 2011	Quý 1/ 2010
Chi phí thanh lý TSCĐ	293.426.399	914.744.685
Chi phí khác	15.840.030	45.700.000
Cộng	309.266.429	960.444.685

D31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 1/ 2011	Quý 1/ 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.756.478.145	17.171.354.222
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	6.902.593.576	3.841.305.458
Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	1.853.884.569	9.667.254.122
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.975.507	24.995.572
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	74	387

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Quý 1/ 2011	Quý 1/ 2010
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ	24.975.507	24.995.572
Phát hành cổ phiếu	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.975.507	24.995.572

Tp.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ